

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/DS-PT
Ngày 29 - 4 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2021/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp Phước 2, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1972 (có mặt)

2. Bà Võ Thị X, sinh năm 1970

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị X: Ông Huỳnh Văn L. (có mặt)

3. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Phước 2, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị A, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp Phước 2, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị A: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp Phước 2, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

2. Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp Phước 2, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị T: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp Phước 2, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Đ. Địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

4. Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1970 (có mặt)

5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Ấp Phước 2, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L: Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp Phước 2, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

6. Anh Huỳnh Văn Đ (vắng mặt)

7. Anh Huỳnh Văn G (vắng mặt)

8. Anh Huỳnh Kim T (vắng mặt)

9. Bà Nguyễn Thị K (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Phước 2, xã Vĩnh P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

10. Chị Huỳnh Kim Đ. Địa chỉ: Ấp M, xã Mỹ Q, thị xã N, tỉnh S. (vắng mặt)

11. Anh Huỳnh Minh A, sinh năm 2002. Địa chỉ: Ấp Phước 2, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

12. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị Đ chuyển nhượng lại cho ông Huỳnh Văn N vào năm 1992 giá là 100 gia lúa, khi chuyển nhượng không có làm giấy tờ, sau đó khoảng 01 tháng là ông Huỳnh Văn N chuyển nhượng đất lại cho vợ chồng ông với giá 120 gia lúa. Khi vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng đất của ông N thì không có làm giấy tờ, không tiến hành đo đạc diện tích và tứ cạnh cụ thể, chỉ xác định phần đất chuyển nhượng dài từ mé sông đến hết cái địa giáp ranh đất của ông Huỳnh Văn K. Tại thời điểm vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng đất của ông

N thì phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, bà Đ và ông N đều không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông N thì vợ chồng ông bà cũng không làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi nhận chuyển nhượng thì vợ chồng ông bà để cho bà Đ ở 01 năm, bà Đ vẫn sử dụng nước dưới địa. Sau đó, vợ chồng ông bà mới chuyển về ở trên phần đất này khoảng 10 năm, trong thời gian vợ chồng ông sử dụng cái địa giáp với đất ông K thì ông K không ý kiến phản đối hay nói cái địa này là của ông K. Sau đó, vợ chồng ông mới dời nhà về phần đất ở ấp Phước 2, xã V (là chỗ hiện nay bà đang ở), phần đất này để trống. Đến năm 2010, thì cho ông Huỳnh Văn S mượn đất để mở đường đi từ lộ giáp sông ra cây xăng của ông S ở phía sau lộ P ngang khoảng 02m. Đến năm 2013, ông B chuyển nhượng toàn bộ phần đất này cho ông S với giá 215.000.000 đồng. Khi vợ chồng ông và ông S đang chuẩn bị làm thủ tục chuyển nhượng thì ông L cho rằng phần cái địa là đất của ông L và ông L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đó vợ chồng ông mới phát hiện khi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông L đã giả mạo chữ ký hộ giáp ranh của ông B.

Nay ông yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông và ông Huỳnh Văn N diện tích chuyển nhượng ngang 15,6m, dài 76,1m (diện tích theo đo đạc thực tế gồm phần đất dưới mé sông có diện tích 286,3m² thửa số 23 tờ bản đồ 16 và phần đất trên bờ diện tích 866,8m² thửa số 24 tờ bản đồ số 16, diện tích 67,5m² thửa số 25 tờ bản đồ số 16) tọa lạc ấp Phước 2, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Đồng thời, ông B yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 843521 do UBND huyện P cấp cho hộ ông Huỳnh Văn L, bà Võ Thị X vào ngày 05/02/2010 đối với diện tích 67,5m² thuộc một phần thửa đất số 25, tờ bản đồ số 16 tọa lạc ấp Phước 2, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do phần đất này là của vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông N nhưng lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L.

Đối với phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 48,4m² thuộc phần đất giao thông đường thủy và diện tích 2,8m² thửa số 20, tờ bản đồ số 16, diện tích 28,0m² thửa số 20 tờ bản đồ số 16 là đất của ông Huỳnh Văn S nên ông B không có yêu cầu gì đối với phần diện tích đất này. Đối với hợp đồng chuyển nhượng đất giữa vợ chồng bà với ông S thì các bên tự thỏa thuận, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà A thống nhất yêu cầu của ông B và không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Huỳnh Văn L trình bày: Nguồn gốc phần đất ông B yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông là do Nhà nước tạm cấp cho ông nội ông Huỳnh Thanh S, cha ông Huỳnh Văn K và chú ông là Huỳnh Văn C, sau đó chia lại cho cha ông quản lý sử dụng và cha ông cho lại ông. Trước

đây ông B có khởi kiện vụ án hành chính và Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã giải quyết bằng bản án phúc thẩm hủy án và đình chỉ giải quyết. Năm 2017, khi kiện Ủy ban nhân dân huyện P ông B trình bày việc chuyển nhượng với ông N mua bán không có làm giấy tờ, chỉ giao dịch bằng miệng. Ông N có tờ tường trình không mua và cũng không bán phần đất ao địa với diện tích mà ông B yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông. Do đó, ông không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B.

Đối với phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 2,8m² thửa số 20 tờ bản đồ số 16 và diện tích 28,0m² thửa số 20 tờ bản đồ số 16 là đất của ông Huỳnh Văn S nên ông không có ý kiến.

Đồng bị đơn bà Võ Thị X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị T trình bày: Thống nhất với trình bày của ông L và không có ý kiến trình bày bổ sung.

Bị đơn ông Huỳnh Văn N trình bày: Vào khoảng năm 1992, vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng đất của bà Nguyễn Thị Đ với giá 100 gia lúa, khi chuyển nhượng hai bên không có làm giấy tờ mà chỉ nói miệng, cũng không xác định diện tích cụ thể bao nhiêu, hai bên chỉ xác định ranh đất từ mé sông lên tới mé địa. Lúc đó, vợ chồng ông, bà Đ và ông K có xác định rõ phần cái địa là đất của ông C (em ông K) nên trả lại cho ông K, nên vợ chồng ông nhận chuyển nhượng đất của bà Đ không bao gồm phần đất địa hiện đang tranh chấp. Sau khi nhận chuyển nhượng của bà Đ, vài tháng sau vợ chồng ông chuyển nhượng phần đất lại cho vợ chồng ông B với giá 120 gia lúa. Việc chuyển nhượng chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ, ông thừa nhận đã chuyển nhượng đất và phần đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông B, ông không có tranh chấp gì với vợ chồng ông B từ khi chuyển nhượng cho đến nay nên không đồng ý việc ông B khởi kiện ông. Ông B có quyền đi kê khai thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định, ông không có ý kiến phản đối gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L) ông Huỳnh Văn S trình bày: Toàn bộ phần diện tích đất ông B yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hiện ông B đã chuyển nhượng cho ông, nhưng ông không yêu cầu gì đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với vợ chồng ông B, cũng như các tài sản của ông trên đất ông cũng không yêu cầu.

Việc ông L làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông không có ký tên hộ giáp ranh, ông L giả chữ ký của ông và đã có giám định nên việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L là không đúng quy định. Ông L xác định phần đất mà ông B yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L là không đúng vì anh em ông trong gia đình không ai biết.

Đối với phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 48,4m² thuộc phần đất giao thông đường thủy và diện tích 2,8m² thửa số 20 tờ bản đồ số 16, diện tích 28,0m² thửa số 20 tờ bản đồ số 16 là đất của ông, ông B không có yêu cầu gì đối với phần diện tích đất này, ông thống nhất và không có ý kiến gì khác. Ông và vợ ông thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông B.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện P yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra, không trình bày ý kiến gì khác.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2021/DS-ST ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện P quyết định:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B đối với ông Huỳnh Văn N, ông Huỳnh Văn L và bà Võ Thị X yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Nguyễn Thanh B và ông Huỳnh Văn N diện tích chuyển nhượng ngang 15,6m, dài 76,1m (theo đo đạc thực tế gồm diện tích 286,3m² thửa số 23, diện tích 866,8m² thửa số 24 và diện tích 67,5m² thửa số 25 tờ bản đồ số 16) tọa lạc ấp Phước 2, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 843521 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ ông Huỳnh Văn L và bà Võ Thị X vào ngày 05/02/2010 đối với diện tích 67,5m² thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 16 tọa lạc ấp Phước 2, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với ông Huỳnh Văn N (diện tích 1.120,6m²); Chấp nhận phần diện tích đất 67,5m² thuộc quyền sử dụng của ông và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 843521 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Huỳnh Văn L và bà Võ Thị X vào ngày 05/02/2010.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh B, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 104/2021/DS-ST ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông B về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế có diện tích 286,3m², đất tại thửa 23, tờ bản đồ số 16 và phần diện tích 866,8m², thửa số 24, tờ bản đồ số 16. Đất tọa lạc tại ấp Phước 2, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy: Các đương sự đều thống nhất về nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị Đ chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn N năm 1992, sau đó ông N chuyển nhượng cho ông B. Quá trình tham gia tố tụng, các bên đương sự ông N và ông B đều xác định không có việc tranh chấp các phần diện tích 286,3m² và diện tích 866,8m². Ông B cho rằng việc ông N chuyển nhượng đất cho ông có cả phần cái địa diện tích 67,5m² nên yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trong đó có cả phần đất cái địa diện tích 67,5m².

[3] Xét yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 67,5m², đất tại thửa 25, tờ bản đồ số 16. Thấy rằng: Ông B xác định khi nhận chuyển nhượng phần đất từ ông N có cái địa, lúc đó các bên có làm văn bản nhưng đã bị thất lạc. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2021 (bút lục 483) ông N xác định: *“khi chuyển nhượng hai bên không có làm giấy tờ chỉ nói miệng (do lúc đó đất bà Đ cũng không có giấy tờ), cũng không xác định diện tích cụ thể bao nhiêu, hai bên chỉ xác định ranh đất từ mé sông lên tới mé địa, lúc đó vợ chồng tôi và bà Đ, ông K có xác định rõ phần cái địa là đất của ông C (em ông K) nên trả lại cho ông K...tôi xác định khi vợ chồng tôi sang đất của bà Đ là không có sang phần đất địa đang tranh chấp”*. Qua lời khai của ông N thì việc chuyển nhượng đất giữa ông N và ông B không làm giấy tờ, chỉ thỏa thuận bằng lời nói và cũng không đo đạc diện tích đất cụ thể, ngoài ra ông B không còn chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông B đối với phần diện tích đất này.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông B về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L đối với diện tích 67,5m² thửa số 25, tờ bản đồ số 16 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ ông Huỳnh Văn L và bà Võ Thị X vào ngày 05/02/2020. Xét thấy: Mặc dù Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu xác định về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L chưa đảm bảo về hình thức theo quy định pháp luật; đồng thời kết quả giám định số 260 ngày 15/9/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu không đủ cơ sở kết luận chữ ký và chữ viết là của ông B và ông S ký vào biên bản giáp ranh. Tuy nhiên, như đã phân tích tại mục [3], ông B xác định

khi nhận chuyển nhượng đất từ ông N có phần đất cái địa 67,5m², nhưng ông B không có chứng cứ chứng minh việc khởi kiện của ông là có căn cứ và hợp pháp, ông N là người chuyển nhượng đất cho ông B xác định không có việc chuyển nhượng phần đất cái địa, nên việc Ủy ban nhân dân huyện Phước Long cấp giấy chứng nhận phần diện tích đất này cho ông L không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông B là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B; có căn cứ chấp nhận ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2021/DS-ST ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Các phần khác của Bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh B được miễn toàn bộ do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2021/DS-ST ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 40, 91, 147, 186, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 1, 13, 14 của Pháp lệnh hợp đồng dân sự năm 1991; Điều 166, 167 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B đối với ông Huỳnh Văn N, ông Huỳnh Văn L và bà Võ Thị X yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Nguyễn Thanh B và ông Huỳnh Văn N diện tích chuyển nhượng ngang 15,6m, dài 76,1m (theo đo đạc thực tế gồm diện tích 286,3m² thửa số 23, diện tích 866,8m² thửa số 24 và diện tích 67,5m² thửa số 25 tờ bản đồ số 16) tọa lạc ấp Phước 2, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 843521 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ ông Huỳnh Văn L và bà Võ Thị X vào ngày

05/02/2010 đối với diện tích 67,5m² thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 16 tọa lạc ấp Phước 2, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Thanh B phải chịu 3.210.000 đồng. Ông Nguyễn Thanh B đã dự nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 1.000.000 đồng theo phiếu thu số 145/TB-TĐ ngày 06/9/2019 và 5.000.000 đồng theo Phiếu thu số 29/TB-TĐ ngày 28/4/2020. Sau khi đối trừ ông Nguyễn Thanh B được nhận lại số tiền 2.790.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh B được miễn toàn bộ do thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Dũng